

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 919/TTr-SGTVT ngày 28/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai (*phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Giao thông vận tải cập nhật quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử của tỉnh (Egov).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC, CTTĐT.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng



Phụ lục
Quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30/3/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính
I.	Lĩnh vực đường bộ
1	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.
2	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp.
3	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.
4	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp.
5	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.
6	Cấp Giấy phép xe tập lái.
7	Cấp lại Giấy phép xe tập lái
8	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế
9	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế
10	Cấp lại Giấy phép lái xe
11	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô
12	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác.
13	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.
14	Cấp Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.

15	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
16	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.
17	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố.
18	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến.
19	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất.
20	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
21	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn.
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
23	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.
24	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.
25	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
26	Cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
27	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy phép.
28	Cấp phù hiệu cho xe nội bộ
29	Cấp lại phù hiệu cho xe nội bộ
30	Cấp phù hiệu xe trung chuyển
31	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển
32	Công bố đưa Bến xe khách vào khai thác
33	Công bố lại đưa Bến xe khách vào khai thác
34	Công bố đưa Trạm dừng nghỉ đường bộ vào khai thác

35	Công bố lại đưa Trạm dừng nghỉ đường bộ vào khai thác
36	Cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.
37	Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.
38	Đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định.
39	Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định
40	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.
41	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.
42	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.
43	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.
44	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.
45	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào cho phương tiện
46	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào cho phương tiện
47	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.
48	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện
49	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam.
50	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.
II.	Lĩnh vực đường thủy nội địa :
51	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.
52	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.



53	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.
54	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.
55	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.
56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.
57	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.
58	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.
59	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
60	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
61	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
62	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa.
63	Công bố lại cảng thủy nội địa
64	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa.
65	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.
66	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
67	Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương ; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
68	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình đường thủy nội địa địa phương ; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.
69	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu.
70	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước .

71	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.
72	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.
73	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.
74	Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn
75	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa địa phương.
76	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.
77	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.